

Links and Navigation

- ▶ Liên kết cơ bản
- ▶ Liên kết đến trang web
- ▶ Liên kết đến email
- ▶ Cấu trúc thư mục

Liên kết cơ bản

- ▶ Thẻ **<a>**
- ▶ Thuộc tính **href**: địa chỉ trang web sẽ liên kết đến

```
<body>  
  Return to the <a href="index.html">index page</a>.  
</body>
```



Figure 2-1

Liên kết cơ bản

- ▶ Liên kết đến trang web
- ▶ Thuộc tính title: tooltip



Figure 2-2

```
<a href="http://www.Google.com/" title="Search the Web with Google">Google</a>  
is a very popular search engine.
```

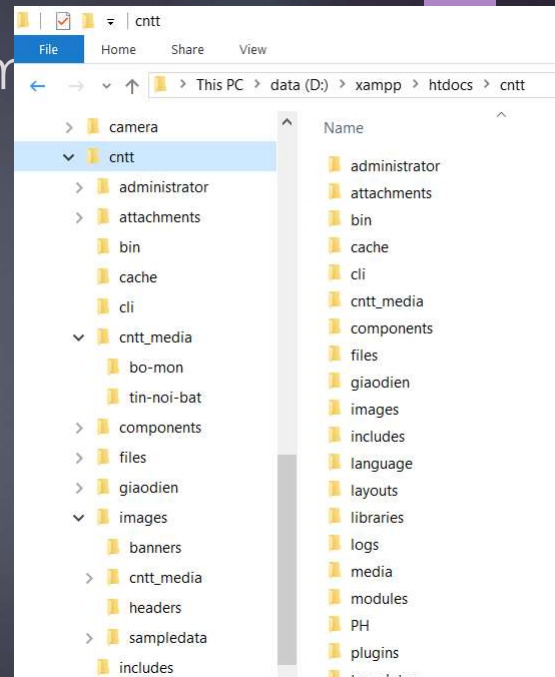
Liên kết cơ bản

- ▶ Liên kết đến email

```
<a href="mailto:name@example.com">E-mail us</a>.
```

Liên kết: Cấu trúc thư mục

- ▶ Thư mục gốc (**root folder**) chứa website: bao gồm index.html, index.php và các thư mục con khác. Thư mục gốc thường ánh xạ như một tên miền: **example.com**
- ▶ Thư mục cha (**parent directory**)
- ▶ Thư mục con (**subdirectory**)



Đích liên kết

- ▶ Đường dẫn tuyệt đối (absolute URLs) : full URLs như trên thanh địa chỉ
- ▶ Đường dẫn tương đối (relative URLs): shorthands URL đến các thư mục trong cùng một site.

host address
⏟
`http://www.wrox.com/index.html`
⏟ ⏟
scheme filepath

Figure 2-5

The Scheme

- ▶ Xác định kiểu của URLs
- ▶ Các kiểu: http://, https://, ftp://, file://

The Host Address

- ▶ Xác định địa chỉ của website
- ▶ Có thể là dãy số IP hoặc tên miền (domain)
- ▶ Ví dụ:

<http://192.168.1.1/index.php>

<http://sgu.edu.vn/index.php>

<http://localhost/index.php>

The Filepath

- ▶ Bắt đầu là kí hiệu / và kèm theo các thư mục và tập tin, cách dấu bằng kí hiệu /

```
/books/newReleases/BeginningWebDevelopment/Overview.html
```

- ▶ Nếu không tìm thấy tập tin, thì server trả về trang mặc định, báo lỗi hoặc hiển thị danh sách các thư mục.

absolute URLs

- ▶ Tất cả các trang web, hình ảnh, tập tin đều có địa chỉ.
- ▶ Địa chỉ tuyệt đối: đầy đủ, quá dài

```
http://www.exampleNewsSite.com/Entertainment/Film/index.html
```

relative URLs

- ▶ Đường dẫn tương đối liên kết đến các thư mục trong cùng sites.
- ▶ Cùng thư mục: ghi tên của trang
- ▶ Thư mục con: tên thư mục/tên trang
- ▶ Thư mục cha: ../tên thư mục/tên trang
- ▶ Thư mục gốc: /tên trang

```
Film/index.html
TV/index.html
Arts/index.html
Music/index.html
```

```
../index.html
```

```
/contactUs.html
```

```
/Entertainment/Music/index.html
```

The <base> Element

- ▶ Trình duyệt tự động chuyển URL tương đối sang tuyệt đối
- ▶ Phần tử <base> chỉ định URL cơ sở cho site
- ▶ Giúp chính xác URLs khi lập trình site phức tạp

```
<base href="http://www.exampleSite2.com/" />
```

```
Entertainment/Arts/index.html
```

```
http://www.exampleSite2.com/Entertainment/Arts/index.html
```

Liên kết trong cùng trang (anchor)

- ▶ Liên kết đến các mục trong trang
- ▶ Liên kết về đầu trang/cuối trang
- ▶ Liên kết đến định nghĩa
- ▶ Các mục cần phải đặt tên (**id="name"**)
- ▶ Tạo liên kết **href = "#name"**

```
<h1>Linking and Navigation</h1>
<h2><a id="URL">URLs</a></h2>
<h2><a id="SourceAnchors">Source Anchors</a></h2>
<h2><a id="DestinationAnchors">Destination Anchors</a></h2>
<h2><a id="Examples">Examples</a></h2>
```

```
<p>This page covers the following topics:
<ul>
  <li><a href="#URL">URLs</a></li>
  <li><a href="#SourceAnchors">Source Anchors</a></li>
  <li><a href="#DestinationAnchors">Destination Anchors</a></li>
  <li><a href="#Examples">Examples</a></li>
</ul>
</p>
```

Link: Các thuộc tính khác

- ▶ target: xác định cách mở liên kết như **main** (), **_blank** (cửa sổ mới)
- ▶ accesskey: phím tắt để mở liên kết

```
<a id="bottom" accesskey="t">Back to top</a>
```